

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 03/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Đinh Phi L, sinh năm 1989.

- Chị Lê Thị B, sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: A Đ, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Phi L và chị Lê Thị B tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 15/4/2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được khoảng hơn 09 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không còn phù hợp tính cách. Từ tháng 11/2023, vợ chồng bắt đầu sống ly thân, từ đó đến nay không có biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện nay, vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn. Xét thấy, hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên Tòa án cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh L và chị B.

[2] Về con chung: Anh Đinh Phi L và chị Lê Thị B xác nhận có 01 con chung tên: Đinh Phú T, sinh ngày 24/11/2013. Hiện nay, cháu T đang ở với anh L và chị B.

Nay ly hôn, anh L và chị B thỏa thuận: Giao cháu T cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); chị B không cấp dưỡng nuôi con.

Sự thỏa thuận về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[3] Về tài sản chung: Anh Đinh Phi L và chị Lê Thị B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Đinh Phi L và chị Lê Thị B xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Đinh Phi L và chị Lê Thị B, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003002 ngày 02/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Anh Đinh Phi L và chị Lê Thị B đã nộp đủ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đinh Phi L và chị Lê Thị B.

- Về con chung: Anh Đinh Phi L và chị Lê Thị B xác nhận có 01 con chung tên: Đinh Phú T, sinh ngày 24/11/2013. Hiện nay, cháu T đang ở với anh L và chị B.

Giao cháu T cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi); chị B không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Đinh Phi L và chị Lê Thị B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Đinh Phi L và chị Lê Thị B xác nhận không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Đinh Phi L và chị Lê Thị B, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003002 ngày 02/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Anh Đinh Phi L và chị Lê Thị B đã nộp đủ.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- UBND phường A, thành phố H (ĐKKH số 45, ngày 15/4/2014);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Tú

